

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

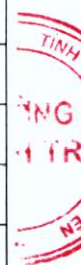
DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH HÓA

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Mai Ngọc Ánh	1	78	7.0	Bảy	
2	Đào Duy Bách	2	75	8.0	Tám	
3	Lê Thanh Bình	3	43	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Thị Cành	4	06	8.0	Tám	
5	Nông Quốc Chấn	5	73	7.0	Bảy	
6	Dương Thị Chiêm	6	52	7.0	Bảy	
7	Ma Đức Chiến	7	30	7.5	Bảy rưỡi	
8	Dương Thị Chín	8	37	8.0	Tám	
9	Phạm Ngọc Chung	9	84	7.0	Bảy	
10	Đinh Thị Huyền Chuyên	10	51	7.0	Bảy	
11	Hạc Thông Cung	11	42	6.5	Sáu rưỡi	
12	Trần Thị Dịu	12	61	7.5	Bảy rưỡi	
13	Lường Sỹ Du	13	07	7.0	Bảy	
14	Trương Thị Mỹ Dung	14	31	7.0	Bảy	
15	Ngô Thế Duy	15	23	7.5	Bảy rưỡi	
16	Hà Thị Duyên	16	20	7.5	Bảy rưỡi	
17	Vi Văn Điền	17	91	7.5	Bảy rưỡi	
18	Đồng Thị Hồng Gấm	18	55	7.5	Bảy rưỡi	
19	Lương Đức Giang	19	64	7.0	Bảy	
20	Ma Thịnh Giáp	20	16	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lê Văn Giới	21	35	7.0	Bảy	
22	Hoàng Thị Hà	22	72	7.0	Bảy	
23	Lưu Thị Việt Hà	23	95	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
24	Phạm Thị Hải	24	98	7.5	Bảy rưỡi	
25	Dương Thị Hằng	25	83	7.0	Bảy	
26	Phạm Thị Hằng	26	08	7.0	Bảy	
27	Ma Ngọc Hạnh	27	40	7.0	Bảy	
28	Lèo Đức Hiền	28	41	7.0	Bảy	
29	Ma Lăng Hiền	29	21	8.0	Tám	
30	Hoàng Ngọc Hòa	30	34	7.5	Bảy rưỡi	
31	Bùi Thị Hoài	31	71	7.5	Bảy rưỡi	
32	Ma Văn Hoài	32	62	7.0	Bảy	
33	Triệu Thị Hoài	33	17	7.0	Bảy	
34	Ma Đình Hoàng	34	11	7.0	Bảy	
35	Hoàng Văn Hồng	35	09	7.0	Bảy	
36	Vũ Thị Hồng	36	53	7.5	Bảy rưỡi	
37	Phạm Thị Huệ	37	65	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Thành Huê	38	22	7.0	Bảy	
39	Ma Khánh Hùng	39	67	7.5	Bảy rưỡi	
40	Đỗ Quang Hưng	40	60	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Thị Thu Hương	41	12	7.0	Bảy	
42	Lý Thị Thanh Hương	42	80	7.5	Bảy rưỡi	
43	Ma Thị Hương	43	85	7.0	Bảy	
44	Ma Thị Kết	44	77	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Thị Lan	45	58	7.5	Bảy rưỡi	
46	Ma Thanh Liêm	46	96	7.0	Bảy	
47	Ma Thị Liên	47	02	7.5	Bảy rưỡi	
48	Ma Đình Liên	48	86	7.5	Bảy rưỡi	
49	Mai Đình Luận	49	39	7.0	Bảy	
50	Ma Đình Lương	50	18	7.0	Bảy	
51	Đinh Thị Lưu	51	24	7.5	Bảy rưỡi	
52	Hoàng Thị Luyến	52	100	7.5	Bảy rưỡi	
53	Mông Chí Mùa	53	63	7.0	Bảy	
54	Hà Thị Nga	54	44	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Trần Quyết Ngọc	55	13	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Thị Hương Oanh	56	69	7.5	Bảy rưỡi	
57	Ngô Văn Phú	57	70	7.5	Bảy rưỡi	
58	Phùng Thế Quân	58	01	7.5	Bảy rưỡi	
59	Vũ Thị Quế	59	28	7.0	Bảy	
60	Nguyễn Văn Quý	60	87	8.0	Tám	
61	Nông Thị Quyên	61	57	7.5	Bảy rưỡi	
62	Đỗ Thị Quỳnh	62	54	7.0	Bảy	
63	Hoàng Văn Quỳnh	63	15	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Quỳnh	64	29	7.5	Bảy rưỡi	
65	Chu Hồng Sơn	65	94	7.5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thái Sơn	66	19	7.0	Bảy	
67	Phạm Văn Sơn	67	93	7.0	Bảy	
68	Mã Ngọc Sơn	68	92	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Tiến Sỹ	69	32	7.5	Bảy rưỡi	
70	Hoàng Thị Thảo	70	14	7.5	Bảy rưỡi	
71	Hầu Thị Thảo	71	03	7.0	Bảy	
72	Phạm Thị Thảo	72	45	8.0	Tám	
73	Phan Thị Thanh Thảo	73	49	7.0	Bảy	
74	Ma Thị Minh Thảo	74	48	7.0	Bảy	
75	Ma Thị Thảo	75	81	8.0	Tám	
76	Ma Thị Thêm	76	97	7.0	Bảy	
77	Nguyễn Xuân Thọ	77	68	7.0	Bảy	
78	Nguyễn Thị Thu	78	90	7.5	Bảy rưỡi	
79	Trương Hoài Thương	79	99	7.5	Bảy rưỡi	
80	Trần Hạnh Thúy	80	88	8.0	Tám	
81	Nguyễn Ngọc Tiến	81	27	7.5	Bảy rưỡi	
82	Lưu Đình Toàn	82	33	7.0	Bảy	
83	Ma Thị Toàn	83	46	7.5	Bảy rưỡi	
84	Lưu Thị Trang	84	50	7.5	Bảy rưỡi	
85	Ma Thị Thu Trang	85	47	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
86	Ngô Thị Trang	86	05	7.0	Bảy	
87	Ngô Huy Tư	87	76	7.0	Bảy	
88	Hoàng Thị Từ	88	04	7.0	Bảy	
89	Nguyễn Công Tuấn	89	79	7.5	Bảy rưỡi	
90	Ma Khánh Tuấn	90	82	7.0	Bảy	
91	Đào Thị Thanh Tuyền	91	26	7.5	Bảy rưỡi	
92	Vì Thị Hằng Vân	92	36	7.5	Bảy rưỡi	
93	Ma Thị Vân (A) 1986	93	25	8.0	Tám	
94	Ma Thị Vân (B) 1977	94	56	8.0	Tám	
95	Nông Thị Viên	95	10	7.0	Bảy	
96	Mai Thị Vinh	96	89	8.0	Tám	
97	Đinh Ngọc Vĩnh	97	38	7.5	Bảy rưỡi	
98	Lương Thị Vụ	98	74	7.5	Bảy rưỡi	
99	Lê Y Xiêm	99	66	7.0	Bảy	
100	Ma Thị Hồng Yến	100	59	8.0	Tám	

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLMLN-TTHCM
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên